

THƯƠNG MẠI CHỨNG CHỈ GIẢM PHÁT THẢI CƠ HỘI KINH DOANH CHO VIỆT NAM TRONG THỊ TRƯỜNG TÍN DỤNG CARBON TOÀN CẦU

ThS. Trương Mỹ Diễm*

TÓM TẮT

Khi mà hàng loạt các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày từ kinh doanh, sản xuất, thương mại, vận chuyển đến các hình thức sinh hoạt khác của con người chính là nguyên nhân trong vấn đề biến đổi khí hậu. Khi mà các hiện tượng nóng dần lên của trái đất, nước biển dâng cao, và thời tiết đang biến đổi một cách khắc nghiệt đã dường như không còn là chuyện của một đất nước, một khu vực đơn lẻ, mà là chuyện chung của toàn thế giới. Vậy làm thế nào để giảm sự gia tăng lượng khí thải độc hại gây hiệu ứng nhà kính¹? Vấn đề đặt ra là cần xây dựng chiến lược phát triển kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

Hướng đến một nền kinh tế phát triển bền vững, cộng đồng quốc tế hôm nay cần thiết phải tìm ra một đáp án dung hòa tốc độ phát triển kinh tế - xã hội với việc bảo vệ môi trường. Bài viết đặt biệt chú trọng vào chiến lược phát triển bền vững được tập trung trọn vẹn ở phân khúc giảm thiểu khí thải nhà kính (GHG²) nhằm mục đích khai thác một loại sản phẩm dịch vụ duy nhất: đó chính là khoanh vùng dự án cho việc "trồng và bảo vệ rừng" để đạt được "tín dụng carbon" (còn gọi là Chứng chỉ giảm phát thải: CER³). Thông qua các dự án theo cơ chế phát triển sạch (CDM⁴), người ta có thể tạo ra sản phẩm CER và bán vào thị trường tín dụng carbon hiện rất được phổ biến ở các quốc gia Châu Âu, Úc, Nhật, Mỹ, ... nhưng thị trường carbon tại Việt Nam vẫn còn quá mới mẻ. Vậy làm thế nào để có thể tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực bán CERs thông qua các dự án CDM trồng và bảo vệ rừng tại VN? Bài viết cũng sẽ cung cấp những thông tin về thị trường carbon toàn cầu và những triển vọng cho việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh ấy.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, thị trường carbon, khí thải nhà kính, CER, CDM.

ABSTRACT

Our climate is changing due to a wide range of human activities from trading, producing, travelling, and transporting to other daily work and family life activities. The concern of environmental protection seems to be shared world-wide. The increase of emissions of greenhouse gases and hazardous substances into the atmosphere is becoming increasingly serious. In order to have an economy of sustainable development, a global village today needs to determine an answer to direct its socio-economic development in association with environmental protection, as well as to prepare for and respond to the effects of a changed climate. One of the best methods to deal with the issue is tree-planting and forest protection in order to achieve carbon credits (or called Certified Emission Reduction: CER). This article deals with developing a new product and service which has its basic characteristic is environmental protection to reduce carbon dioxide. Although carbon credits that create a market for reducing greenhouse gas emission is currently common in Europe, Australia, Japan and etc., the carbon market in Vietnam is still

* GVCH Khoa QTKD, Trường Đại học Mở Tp.HCM

¹ Kết quả của sự trao đổi không cân bằng về năng lượng giữa trái đất với không gian xung quanh, dẫn đến sự gia tăng nhiệt độ của bầu khí quyển. Hiện tượng này diễn ra theo cơ chế tương tự như nhà kính trồng cây và được gọi là hiệu ứng nhà kính. Sự gia tăng nhiệt độ do hiệu ứng nhà kính có tác động mạnh mẽ tới nhiều mặt của môi trường trái đất: tan băng, nước biển dâng cao, thời tiết nóng lên, mầm bệnh xuất hiện...

² GHG: Green House Gas: Khí thải nhà kính

³ CER: Certified Emission Reduction : Chứng chỉ giảm phát thải

⁴ CDM: Clean Development Mechanism: Cơ chế phát triển sạch

silent. In fact, Vietnam have enough conditions to develop the product of carbon credit for sell in order to get benefits for community, however, it has nothing achievement. So how can Vietnam create a quality product and service of carbon credit that meet international standards and promote it in the global marketplace?

Keywords: *climate change, sustainable development, carbon market, reducing greenhouse gas emissions, CER, CDM.*

1. Đặt vấn đề

Sự hội nhập sâu sắc của những thị trường đơn lẻ vào một thị trường chung toàn cầu trong những thập niên gần đây đã thể hiện sự bất đồng giữa các quốc gia đề cao mô hình phát triển, lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm, dựa trên nền tảng của những phát minh công nghệ tiêu tốn năng lượng, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường; và một đằng là những quốc gia chịu thiệt hại nặng nề do biến đổi khí hậu – mà nguyên nhân sâu xa chính là do sự phát triển kinh tế không bền vững mang lại. Rõ ràng tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt bậc đã mang lại những ảnh hưởng tích cực cho nền kinh tế quốc gia nói riêng. Cụ thể mức sống của người dân tăng nhanh, tỷ lệ thất nghiệp giảm đáng kể trong những thập niên gần đây; tốc độ tăng trưởng kinh tế, GDP, thu nhập bình quân đầu người của hầu hết các quốc gia tăng vượt trội; điều kiện sống, cơ sở hạ tầng: điện – đường – trường – trạm đã được cải thiện; mức sinh hoạt và các vấn đề về an sinh xã hội đã được nâng cao ... Đơn cử con số thu nhập bình quân đầu người Trung Quốc từ 380 nhân dân tệ vào năm 1978 lên 19 ngàn nhân dân tệ (tương đương 2.760 USD) trong 20 năm sau đó; hay tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ tăng liên tục từ 3,4 ngàn tỷ USD năm 1983 lên 8,3 ngàn tỷ năm 1998 và đến cuối năm 2006 con số này đã đạt mức 13,2 ngàn tỷ USD. Song song với những tích cực nêu trên, bao hệ lụy khác lại nảy sinh, đầu tiên đó chính là những tác hại của sự phát triển kinh tế mang đến thảm họa cho môi trường. Những tác hại xấu đến môi trường là hệ quả tất yếu của bầu khí quyển bị xuống cấp nghiêm trọng, mực nước biển tăng, nhiệt độ nóng dần lên, nhiều thiên tai, động đất, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, ... đã xuất hiện tràn lan

ở quy mô diện rộng làm tổn hại hàng chục tỷ USD và hàng trăm ngàn người bị thiệt mạng.

Có thể nói: vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay được coi là mối đe dọa môi trường nghiêm trọng nhất mà loài người đang phải đối mặt. Hàng loạt các báo cáo, công trình nghiên cứu khoa học của các tổ chức quốc tế, Ủy ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu đã thừa nhận: sự nóng lên của trái đất hiện nay là một thực tế và sẽ tiếp tục diễn ra. Nguyên nhân của vấn đề này là do sự gia tăng nhanh chóng nồng độ khí nhà kính trong khí quyển. Tác động của biến đổi khí hậu đã không chỉ dừng lại trong phạm vi mỗi quốc gia mà là vấn đề mang tính toàn cầu. Theo tại 10 quốc gia⁵ bị áp lực thiên tai nặng nề nhất trong giai đoạn 1998 – 2008 cho thấy đã có khoảng 11 ngàn trận bão, lũ lụt, hạn hán... khiến 600 ngàn người thiệt mạng, gây thiệt hại 1.700 tỷ USD. Chỉ riêng tại Việt Nam, trung bình mỗi năm thiên tai đã cướp đi 450 mạng sống và tổng mức thiệt hại có thể trên 1,5 triệu USD.

Hiện tại, các cơ quan khí tượng trong và ngoài nước đã có những thông báo và dự báo tình hình về nhiệt độ và mực nước biển tăng dần. Cho đến năm 2015, nhiệt độ trung bình sẽ tăng hơn 2 độ C có thể làm tan chảy băng tuyết ở những vùng ôn đới, mực nước biển sẽ dâng cao từ 0,4 đến 1,4m và nhấn chìm những hòn đảo nhỏ và Bangladesh. Đến năm 2080, khoảng 50 đến 100 triệu người Bangladesh cần được di chuyển khỏi những vùng bờ biển. Riêng Việt Nam, trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình hàng năm nước ta tăng khoảng 0,5 – 0,7 độ C, mực nước biển dâng khoảng 20cm; và đến cuối thế kỷ này, nhiệt độ trung bình có

⁵ Bangladesh, Myanmar, Honduras, Việt Nam, Nicaragua, Haiti, Ấn Độ, cộng hòa Dominica, Philippine và Trung Quốc.

thể tăng lên 2,3 độ C so với trung bình thời kỳ 1980 – 1999 và mực nước biển có thể dâng thêm 75cm đến 1m. Nếu mực nước biển dâng lên 1m, sẽ có 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất đối với GDP khoảng 10%⁶.

Những hệ quả trình bày trên đã đặt ra vấn đề là đòi hỏi một nền kinh tế thế giới cần phải phát triển bền vững. Có nghĩa là phát triển vừa đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhưng những tác hại đáng sau nó cần được khắc phục và quan tâm đúng mức. Trước tiên đó là sự nỗ lực thích ứng với biến đổi khí hậu, cắt giảm khí thải, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.

Đối với nghị định như Kyoto (KP⁷), đây là một chiến lược khả thi để thực hiện Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về thay đổi khí hậu (UNFCCC⁸). Việt Nam (VN) đã ký tham gia UNFCCC ngày 11/6/1992 và phê chuẩn UNFCCC ngày 16/11/1994; ký KP ngày 03/12/1998 và phê chuẩn ngày 25/9/2002, và là một quốc gia thuộc nhóm không bắt buộc giảm phát thải khí nhà kính. VN nằm trong danh sách 11 quốc gia chịu thiệt hại nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. VN nhận được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ các quốc gia đã phát triển, các tổ chức quốc tế về việc hỗ trợ kỹ thuật lẫn tài chính cho công tác hưởng ứng với cuộc vận động chống lại những thiệt hại do biến đổi khí hậu mang lại. Riêng trong lĩnh vực lâm nghiệp, VN vẫn chứng minh được đây là quốc gia có khả năng triển khai các dự án CDM và tham gia vào mạng lưới thị trường tín dụng carbon toàn cầu.

Với những tiền đề trên, bài viết sẽ đặc biệt chú trọng vào chiến lược phát triển bền vững được tập trung trọng tâm ở phân khúc giảm khí thải, và chỉ với một loại sản phẩm duy nhất: đó chính là “sản phẩm rừng trồng” nhằm mục tiêu đạt được CER thông qua các dự án CDM. Bài viết cũng cung cấp thông tin về thị trường carbon toàn cầu và những triển vọng cho việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh từ lĩnh vực bán CERs thông qua các dự án CDM trong lĩnh vực trồng và bảo vệ rừng của VN.

2. Cơ chế phát triển sạch (CDM)

KP đã đề cập khá rõ về vấn đề phát triển bền vững và một trong ba cơ chế linh hoạt⁹ trong nội dung của nghị định ấy chính là phát triển các dự án CDM. Theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) được đề xuất bởi KP, những dự án giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính nhằm chống lại biến đổi khí hậu và tăng cường phát triển bền vững của các nước đã phát triển có thể nhận được “tín dụng carbon” hay CERs từ những nước đang phát triển. Việc thực hiện KP tạo cơ hội cho các nước đang phát triển nhận được những giá trị kể cả kinh tế và môi trường cho phát triển bền vững, đặc biệt là ở các nước vùng nhiệt đới. Cơ chế phát triển sạch cũng sẽ làm gia tăng sự quan tâm của các bên có liên quan trong việc phát triển rừng trồng bền vững ở các nước đang phát triển. Hay nói một cách khác, CDM nhằm giúp các nước công nghiệp đầu tư vào các dự án môi trường tại các nước kém và đang phát triển để có được CERs. Như vậy là thay vì bỏ ra nhiều chi phí để giảm ngay lượng phát thải tại nước mình, những quốc gia đã phát triển sẽ dùng số vốn đó đầu tư vào nước đang phát triển để nước này giúp họ giảm phát thải các loại khí gây GHG [Các loại khí nhà kính chính được nêu trong KP là: Casebonic (CO₂), Meetan (CH₄), Ôxit nitơ, Hydrofluorocacbon (HFC₃), Perfluorocacbon (PFCs) và Sunphua hexafluorit (SF₆)]. Kết quả là lượng phát thải của thế giới giảm đi. Một số lĩnh vực đã được triển khai trong việc phát triển dự án CDM trên thị trường toàn cầu (Sơ đồ 1).

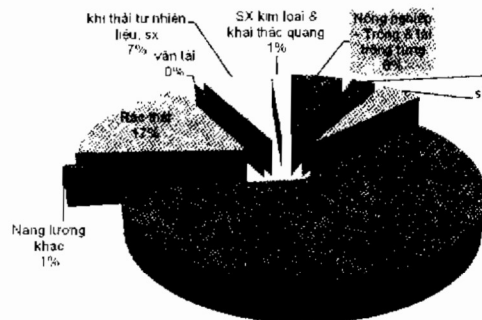
⁶ Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, *Kịch bản dự thảo biến đổi khí hậu*, 6-2009.

⁷ Nghị định thư Kyoto (KP) được thông qua tháng 12/1997, và bắt đầu có hiệu lực từ 16/02/2005. Đến nay đã có trên 170 nước phê chuẩn. KP đã thiết lập một khuôn khổ pháp lý mang tính toàn cầu cho các bước khởi đầu nhằm kiểm chế và kiểm soát xu hướng gia tăng phát thải khí nhà kính.

⁸ Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) được phê chuẩn năm 1992 với mục tiêu là ổn định nồng độ khí nhà kính trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa sự can thiệp nguy hiểm của con người đối với hệ thống khí hậu.

⁹ Ba cơ chế linh hoạt trong KP, chính là: JI (Joint Implementation - Cơ chế đồng thực hiện), CDM (Clean Development Mechanism - Cơ chế phát triển sạch), ET (Emissions Trading - Buôn bán phát thải).

Sơ đồ 1: Một số lĩnh vực đã được triển khai thực hiện thông qua các dự án CDM



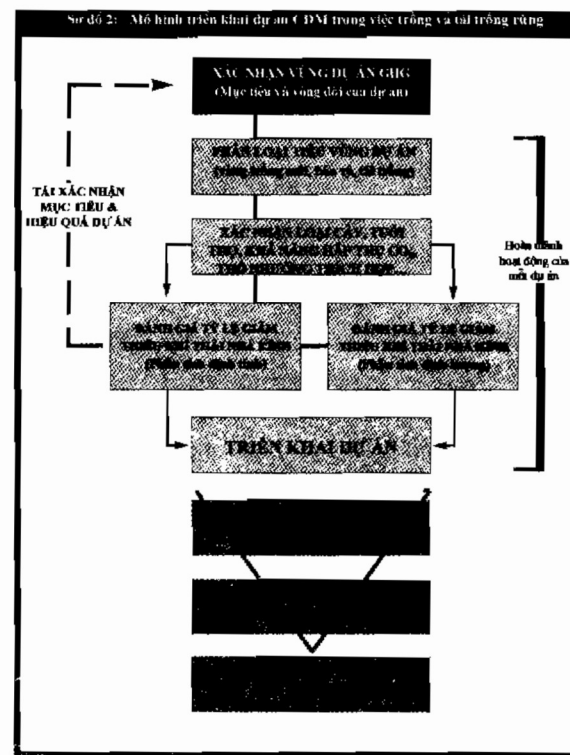
Theo thống kê của UNFCCC, tính đến ngày 3/5/2010, đã có tổng số 2.184 dự án CDM được đăng ký. Trong số này, Trung Quốc là nước có số dự án đăng ký lớn nhất (đồng nghĩa với việc là nước cung cấp CER lớn nhất), với 828 dự án, chiếm khoảng 38% tổng số dự án. Đứng thứ hai sau Trung Quốc là Ấn Độ, với 504 dự án CDM được đăng ký, chiếm 23,08% tổng số dự án. Brasil và Mexico lần lượt đứng thứ ba và thứ tư. Dẫn đầu các quốc gia khu vực Đông Nam Á, Malaysia đã đăng ký 81 dự án, đứng thứ 5 với 3,7% tổng số dự án... Hiện tại, sáu phạm vi dự án mà Việt Nam có thể áp dụng CDM chính là: năng lượng, thu hồi khí metan (bãi rác, khai thác than – khoáng sản...), sản xuất công nghiệp (chủ yếu là sản xuất xi măng và các ngành phát sinh khí HFCs, PFCs, SF6), nông nghiệp, trồng và tái trồng rừng, và vận tải. Và sau 8 năm từ khi phê chuẩn vào KP (2002), VN chỉ mới có 27 dự án đăng ký tại CDM quốc tế của UNFCCC, chủ yếu có quy mô nhỏ. Hai dự án đã được phê chuẩn cho toàn bộ quy trình CDM và được cấp CERs là dự án “thu hồi và sử dụng khí đồng hành mỏ Rạng Đông” và dự án “khởi phục trạm thủy điện Sông Mực – Thanh Hóa”. Và tính đến hết năm nay, VN có thể thu lợi khoản 40 tỷ đồng từ các dự án CDM thông qua bán CERs.

2.1 CDM trong dự án trồng rừng.

CDM trong các dự án lâm nghiệp là cho phép điều chỉnh việc tạo lượng carbon tích lũy trong các khu rừng từ trồng rừng mới, tái trồng rừng hay khoanh vùng bảo vệ rừng ở các nước đang phát triển và bán lượng dự trữ carbon tích lũy cho các quốc gia công nghiệp – đã phát triển, nhằm thực hiện mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính theo quy định của KP.

Trong 27 dự án được đăng ký tại ban chấp hành CDM quốc tế có 1 dự án trong lĩnh vực lâm nghiệp, đó là dự án trồng rừng/tái trồng rừng tại huyện Cao Phong – Hòa Bình với vòng đời dự án là 16 năm và có khả năng hấp thụ 43.000 tấn CO₂. Mục tiêu cơ bản của dự án này là tái trồng rừng ở vùng đất trồng đồi trọc không thể sản xuất, nơi rừng đã bị chặt phá để canh tác từ trước 1980 trong tổng diện tích 310 hecta. Khoảng 320 hộ cá thể tham gia trực tiếp vào dự án và được hưởng lợi từ việc bán gỗ và các sản phẩm lâm sản khác trong tương lai. Dự án này nhận được sự hỗ trợ tích cực từ cơ quan hợp tác phát triển của Nhật (JICA) về quy trình đăng ký dự án CDM và kỹ thuật chăm sóc – bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, dự án cũng được Honda Việt Nam tài trợ 3,5 tỷ đồng cho ba năm đầu triển khai dự án.

Để đảm bảo chất lượng của dự án CDM trồng/tái trồng rừng, chủ dự án cần cung cấp kế hoạch dự án và được phê chuẩn chính thức từ cơ quan thẩm quyền quốc gia VN (DNA Việt Nam). Cơ bản quy trình triển khai dự án sẽ được triển khai như sau:



2.2 Lợi ích của dự án CDM lâm nghiệp:

2.2.1 Lợi ích về môi trường:

CDM các dự án trồng và bảo vệ rừng mang lại lợi ích về môi trường trước hết là loại bỏ hay giảm thiểu khí độc hại CO₂ trong khí quyển (thông qua sự quang hợp¹⁰), nâng cao chất lượng nước và không khí nhằm bảo tồn đất, chống xói mòn. Việc trồng và bảo vệ rừng giúp duy trì và bảo vệ môi trường hệ sinh thái và động vật hoang dã, ngăn ngừa xói mòn và suy thoái đất, đóng góp cho việc làm chậm lại những tác hại do biến đổi khí hậu, ngăn chặn dòng chảy của bão lũ.

2.2.2 Lợi ích kinh tế:

CDM các dự án lâm nghiệp mang lại lợi ích kinh tế cho dân địa phương trong vùng dự án: thứ nhất là tăng thu nhập từ sản phẩm tín dụng carbon thông qua việc bán CER, và các khoản thu khác từ việc khai thác các sản phẩm ngoài gỗ (trong quá trình dự án) và các sản phẩm lâm sản (sau khi dự án kết thúc).

Những dự án CDM khi được triển khai, ngoài lợi ích thu được từ việc bán CERs, nước chủ nhà còn có cơ hội tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến và nguồn hỗ trợ tài chính từ các tổ chức nước ngoài trong chương trình nhằm chống lại biến đổi khí hậu.

2.2.3 Lợi ích xã hội:

CDM các dự án lâm nghiệp khi được DNA Việt Nam thông qua điều cần thiết trước nhất phải đáp ứng và ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong việc trồng, bảo vệ và quản lý rừng, nhờ thế tăng tính minh bạch và các kỹ thuật trồng và đo lường lượng khí được chuẩn xác hơn. Nhờ thế sẽ hạn chế đến mức tối đa

việc chặt phá rừng bừa bãi, tránh và giảm thiểu việc cháy rừng ảnh hưởng đến cuộc sống an sinh của bà con quanh vùng và gián tiếp giảm tỷ lệ mất trật tự an ninh xã hội, cải thiện đời sống của người dân địa phương.

2.3 Phương cách tính và đo lường lượng khí thải cho dự án CDM lâm nghiệp

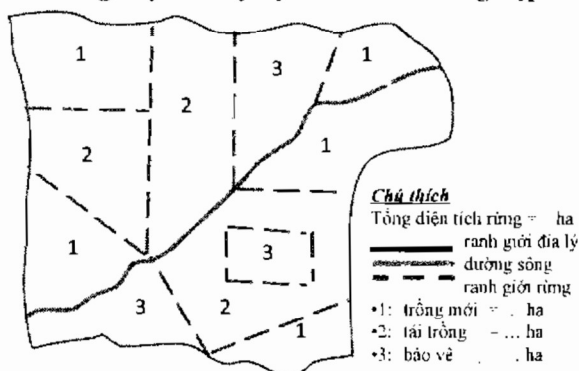
Dự án CDM cần thiết phải lập kế hoạch, trước hết là về tiêu chí kỹ thuật như bản đồ thổ nhưỡng, thể loại cây trồng, tác động môi trường, lượng khí carbon giảm thiểu, tiến độ dự án; bên cạnh đó, dự án cũng cần nêu minh bạch các vấn đề tài chính, phân tích thị trường, số lượng CERs có thể cung cấp,... Để đạt được mục tiêu này, dự án cần phải hoàn tất quá trình đăng ký và được phê duyệt của DNA Việt Nam và UNFCCC.

3. Thị trường tín dụng carbon với sản phẩm CER

3.1 Khái quát sản phẩm và thị trường:

Thị trường carbon là nơi diễn ra các hoạt động mua và bán một sản phẩm nhất định đó là tín dụng. Để tạo ra tín dụng carbon, trong phạm vi nghiên cứu này là khoanh vùng một diện tích đất lâm nghiệp để bảo tồn, hay trồng mới các loại cây nhằm cứu vớt những khu rừng bị tàn phá hoặc có thể trồng thêm rừng. Diện tích được bảo tồn, được tôn tạo hay trồng mới sẽ được quy thành đơn vị gọi là tín dụng carbon.

Sơ đồ 3: Khoanh vùng ranh giới trồng mới, tái trồng hay bảo vệ dự án CDM lâm nghiệp



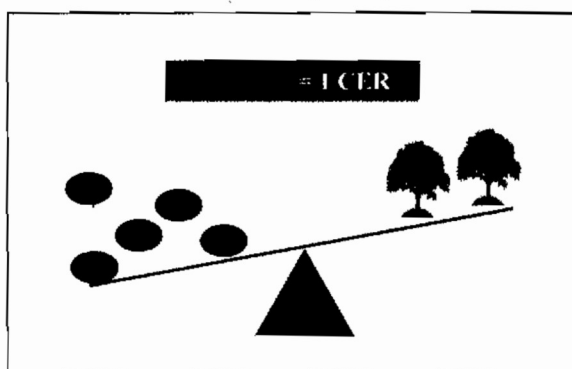
Khách hàng mục tiêu của thị trường trước hết là những doanh nghiệp ở 23 quốc

¹⁰ Trong quá trình quang hợp thì cây quang hợp ánh sáng từ mặt trời để chuyển thành năng lượng hoá học dưới dạng chất glucose đồng thời thải khí oxy: [nước + carbon dioxide + ánh sáng mặt trời = glucose + oxy] $[6H_2O + 6CO_2 + \text{năng lượng mặt trời} = C_6H_{12}O_6 + 6O_2]$. Carbon trong glucoses được sử dụng để tạo ra cellulose - vỏ cây và được giữ đến khi cây chết và phân huỷ. Theo cách này, việc tăng trưởng của cây sẽ làm giảm lượng khí CO₂ do khí thải nhà kính tạo ra trong không khí. Chỉ dùng phép tính đơn giản về độ tăng trưởng của cây thì bất kỳ ai đó cũng có thể tính được lượng khí các bon được hấp thụ bằng việc sử dụng các nhân tố đo.

gia¹¹ bị buộc phải giảm thải khí CO₂ theo một tỷ lệ nhất định (hạn ngạch CO₂). Nhưng vì không đáp ứng được nên cần phải mua tín dụng carbon, có nghĩa là mua “quyền được thải khí”, nếu không phải bị trả mức lũy tiến cao ngất ngưỡng (một loại phí môi trường).

Trong hoạt động kinh doanh khí thải để giảm thiểu khí nhà kính hiện có hai hình thức phổ biến: đó là mua bán hạn mức thải khí giữa đơn vị gây ô nhiễm nhiều có thể mua mức thải khí chưa dùng hết của đơn vị khác để được quyền thải vượt hạn mức. Hoặc mua quyền thải khí qua việc đầu tư vào các dự án môi trường như: trồng rừng, bảo vệ đất, sử dụng năng lượng tái tạo, tăng hiệu suất năng lượng... đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hay những hóa chất làm trái đất nóng lên. Ở đây, bài viết này chỉ chú trọng đến một loại hình, đó là trồng rừng mới để tạo các bể chứa carbon mới, và phục hồi những diện tích rừng hay giảm phá rừng hoặc đất nông nghiệp suy thoái để có thể hấp thụ CO₂ nhiều hơn. Để đo lường những dự án trồng rừng này, người ta sử dụng hệ thống chung theo tiêu chuẩn quốc tế và gọi tên nó là CER. Một đơn vị CER tương đương với một tấn khí CO₂ (khí gây hiệu ứng nhà kính) quy đổi.

Sơ đồ 4: Mô hình giao dịch CERs



Giả dụ doanh nghiệp vận tải ABC được định hạn mức khí thải là 155 tấn CO₂/năm, nhưng sau khi đo lường mức thải khí của đơn

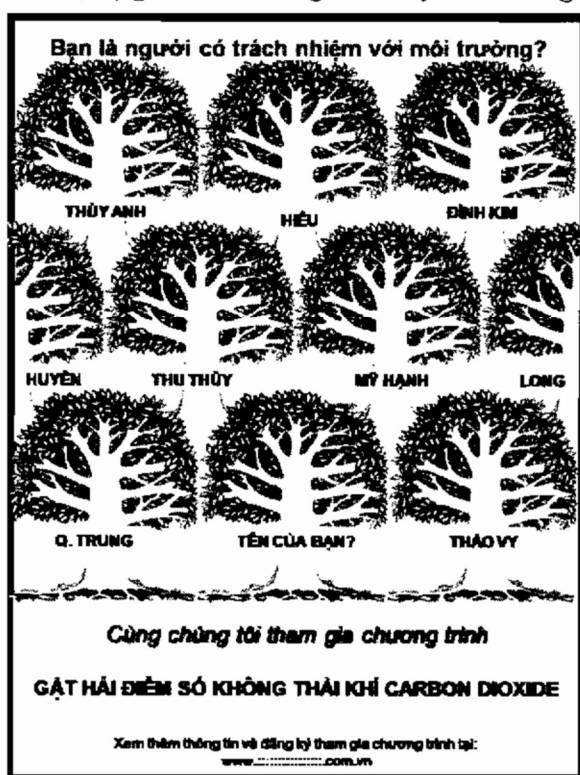
vị này là 165 tấn CO₂/năm. Trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp này là mua 10 CERs để bù đắp cho việc giảm thiểu khí nhà kính. Doanh nghiệp ở quốc gia A có thể mua 10 CERs tại một quốc gia nào đó. Việc có được chứng chỉ giảm phát thải của 10 CERs, doanh nghiệp A đã cam kết giảm được 10 tấn CO₂ (khí gây hiệu ứng nhà kính mà không nhất thiết phải thực hiện ngay tại quốc gia mình). Nếu doanh nghiệp A không mua CERs bù đắp cho lượng khí thải vượt quá khung hạn định, doanh nghiệp này sẽ phải đóng tiền phạt cho việc làm tổn hại môi trường còn nặng nề hơn. Nhờ vậy, CERs nhanh chóng được coi là một món hàng hóa giao dịch trên thị trường carbon toàn cầu.

Ngoài việc cung ứng các dự án rừng trồng được đo lường qua các CER dành cho các đối tượng, mà chủ yếu là những doanh nghiệp trong quá trình vận hành đã sản sinh ra khối lượng lớn khí thải CO₂ như trong lĩnh vực giao thông vận tải, khai thác chế biến dầu, luyện kim, và các ngành công nghiệp nặng. Sản phẩm rừng trồng còn hướng đến một khối lượng khách hàng tiềm năng khác: khách hàng cá nhân – đó là những người quan tâm đến môi trường, đặc biệt nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc trả lại thiên nhiên bầu khí quyển xanh sạch, trả lại cho thế hệ tương lai một quả địa cầu hạn chế tối đa mầm mống của dịch bệnh, và thiên tai,...

Hình dung về dòng sản phẩm chứng nhận rừng trồng dành cho khách hàng cá nhân, hộ gia đình khi tham gia mua CER.

¹¹ Úc, Áo, Bỉ, Canada, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Icelanda, Ý, Nhật, Luxemborg, Hà Lan, Tân Tây Lan, Na Uy, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ.

Sơ đồ 5: Sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân, hộ gia đình tham gia bảo vệ môi trường



Hiện tại, thị trường tín dụng carbon tại Úc đã khai thác khách hàng tiềm năng là những cá nhân rất hiệu quả. Họ đã khai thác tốt việc hỗ trợ để khách hàng cá nhân có thể tự đo lường và tính toán mức bình quân mỗi năm bản thân họ hay gia đình đã thải bao nhiêu CO₂ vào không khí. Bài toán trực tuyến trên mạng cộng tất cả những đồ dùng, vật dụng như xe, bóng đèn điện, máy giặt, tủ lạnh, macrowave, bàn ủi, máy lạnh, máy hút bụi, máy cắt cỏ, tưới cây, tivi,... và cho ra tổng đáp số là đã thải bao nhiêu tấn CO₂/năm. Với tổng số khí thải CO₂ như vậy, cá nhân đó cần trồng bao nhiêu cây để bù đắp lượng khí thải mình đã làm thiệt hại môi trường, và đổi lại khách hàng sẽ có những giấy chứng nhận và tên tuổi được lưu giữ trên mỗi thân cây.

3.2 Thị trường carbon toàn cầu

Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng thế giới¹², tính đến cuối năm 2009 tổng số lượng giao dịch mua bán CERs đạt 8.700 triệu tấn

CO₂, với tổng giá trị thị trường toàn cầu đạt 144 tỷ \$USD (tương đương €103 tỷ Euro), tăng 6% so với cùng kỳ năm 2008.

Tại Úc, đề án giảm khí nhà kính của thủ phủ New South Wale (GASS¹³), chính thức được triển khai vào ngày 01-1-2003 với mục tiêu đúng như tên gọi của nó. Đây là một trong những chương trình giảm phát thải khí nhà kính bắt buộc đầu tiên của kế hoạch kinh doanh carbon tín dụng trên thế giới. GASS nhắm đến việc giảm lượng phát thải khí nhà kính liên quan đến việc sản xuất và sử dụng điện. Nó đạt được điều này bằng cách sử dụng theo dự án để bù đắp các hoạt động sản xuất phát thải khí CO₂. Tính đến cuối năm 2007 có cả thảy 13 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực mua bán trao đổi khí thải tại thị trường carbon Úc.

Ngoài ra, thị trường carbon ở Úc vẫn rất đa dạng về chủng loại sản phẩm và dịch vụ. Một dự án quản lý rừng nhằm tạo ra tín dụng carbon cho kinh doanh kéo dài trong 4 năm (từ tháng 6/2008 đến 6/2011) đã được thực hiện ở Indonesia, Cambodia, Ecuador, Liberia và Congo. Trong khuôn khổ của dự án này, ngân hàng thương mại McQuarie (Úc) sẽ cung cấp tài chính, đảm trách công việc tiếp thị và bán sản phẩm tín dụng carbon phù hợp với tiêu chuẩn (CER); và tổ chức quốc tế Fauna và Flora (FFI – tổ chức phi chính phủ) sẽ cùng phối hợp với chính quyền và người dân địa phương xây dựng và bảo vệ rừng. Bên cạnh, nhà đầu tư ngân hàng McQuarie thu được lợi nhuận từ việc bán CER, FFI đạt được mục đích chính yếu là giảm thiểu khí thải nhà kính và nâng cao hệ sinh thái, người dân cũng có thêm công ăn việc làm và tăng thu nhập.

Hay dự án 750 ngàn ha (hiện tại đã thực hiện bảo vệ 115 ngàn ha và 350 ngàn ha rừng trồng cho sản xuất gỗ nguyên liệu) tại khu rừng Ulu Masen (tỉnh Aceh, Indonesia). Dự án được ký kết giữa quỹ đầu tư Merrill Lynch và tổ chức Cabon Conversation. Theo Cabon

¹² World Bank (WB)

¹³ The NSW Greenhouse Gas Reduction Scheme (GASS)

Conversation, vòng đời của dự án là 30 năm và bình quân sẽ tạo ra khoảng 3,4 triệu tấn tín dụng carbon/năm. Và như vậy, kết thúc dự án Merrill Lynch sẽ bán được tối thiểu là 102 triệu tấn tín dụng CO₂.

Tuy nhiên, căn cứ theo số liệu thống kê của WB, hệ thống thương mại giảm khí thải nhà kính của châu Âu (EU ETS)¹⁴ – đơn vị chính thức bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 1/2005 – lại thống trị thị trường carbon toàn cầu trong năm 2008 với tổng số thương vụ giao dịch carbon lớn nhất thế giới. Mặc dù cũng không thoát khỏi vòng xoáy của cuộc khủng hoảng tài chính đã khởi nguồn từ cuối năm 2007, thị trường carbon cũng bị vạ lây và giá cả bị giảm đáng kể. Mức bình quân 1 tấn CO₂ dao động trong khoảng 9 đến 11 Euro trong năm qua. Và theo dự báo của WB trong bảng báo cáo đánh giá thị trường carbon 2009, giá 1 tấn CO₂ quy đổi trong giai đoạn 2 (từ nay đến 2012) ở mức từ 10 - 17€, nhưng đến giai đoạn 3 (từ sau 2012 – khi nghị định thư Kyoto hết hiệu lực và một hiệp ước khác quy định rõ khung pháp lý ra đời) giá 1 tấn CO₂ quy đổi dự kiến sẽ tương đương 30€.

3.3 Triển vọng cho thị trường carbon tại Việt Nam

Trước tiên cần xác nhận Việt Nam là một quốc gia thuộc nhóm không bắt buộc giảm phát thải khí nhà kính và do đó hoàn toàn đủ điều kiện để trở thành nước chủ nhà dự án CDM – nhà cung cấp sản phẩm tín dụng carbon.

Hiện tại, các tổ chức giáo dục và các đơn vị truyền thông đại chúng cũng đã đẩy mạnh vai trò nâng cao nhận thức về nhu cầu bảo vệ môi trường của người dân và học sinh sinh viên. Điều này đã giúp cho chiến lược truyền thông tiếp thị của các chủ dự án CDM là nâng cao sự nhận biết của khách hàng đối với dòng sản phẩm CER.

Thứ ba, đó là sự cam kết tài trợ của các tổ chức quốc tế và nhiều chính phủ quốc gia

công nghiệp và đã phát triển. Những cam kết tài trợ này đã được công bố trong khuôn khổ hội nghị của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 15 được tổ chức tại Copenhagen (COP15), khi mà Việt Nam nằm trong danh sách là một trong 11 quốc gia chịu thiệt hại nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Cụ thể, chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) hứa hỗ trợ 8 triệu USD, Đan Mạch là 53 triệu USD, Nhật Bản cam kết cho vay ưu đãi 450 triệu USD, Hà Lan hứa giúp đỡ xây dựng và củng cố các vành đai biển, sự giúp đỡ của Mỹ là trang thiết bị đo lường, giám sát khí tượng thủy văn và phương cách đối phó với triều cường tại các tỉnh miền Nam Việt Nam... Rõ ràng, sự cam kết tài trợ công khai của chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế cũng tạo điều kiện thuận lợi cho VN tham gia thị trường carbon toàn cầu.

Bên cạnh đó, về thực trạng ngành lâm nghiệp, theo thống kê đến cuối năm 2008, tổng diện tích rừng là 13.118.800 ha, tập trung chủ yếu ở Trung du và miền núi phía Bắc (45.584.000 ha), Bắc trung bộ và duyên hải miền trung (44.974.000 ha), Tây Nguyên (4.199.000 ha). Tài nguyên này đang bị tàn phá qua sức ép dân số, sự phát triển kinh tế và khai thác quá độ. Bình quân Việt Nam mất 200.000ha rừng/năm (1985 – 1995); trong đó 60.000 ha do khai hoang, 50.000 ha do cháy rừng, 90.000 ha do khai thác quá mức gỗ và củi. Ngoài ra, độ đa dạng của hệ thống động – thực vật của VN cũng bị giảm sút nghiêm trọng. Trong thập kỷ qua đã có 200 loài chim bị tuyệt chủng và 120 loài thú bị diệt vong. Rõ ràng thị trường tín dụng carbon mở ra một triển vọng cho VN, nếu chúng ta nhanh chóng triển khai các dự án CDM trong ngành lâm nghiệp. Hiệu quả trước mắt là thu được lợi ích kinh tế từ việc bán CERs, và hàng loạt các hiệu quả vô hình khác như giữ rừng – ngăn chặn dòng chảy mạnh của bão lũ, triều cường, bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học, và đóng góp tích cực vào sự giảm thiểu GHG.

¹⁴ The European Union Greenhouse Gas Emission Trading System (EU ETS)

Biến đổi khí hậu đang dần trở thành là vấn đề chính trị lớn tại Việt Nam, nơi mà các thảm họa thiên nhiên tồi tệ nhất đã và đang cướp đi hằng trăm mạng người/mỗi năm, và tác động tiêu cực của nó ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế quốc gia, đe dọa nguồn cung cấp nước sạch đến nhiều tỉnh thành. Do đó, việc triển khai chương trình khung cho hoạt động kinh doanh khí thải và thiết lập một mục tiêu dài hạn để giảm khí thải sẽ đặc biệt được chính phủ quan tâm. Do đó, trong thời gian tới, bộ khung pháp lý về luật thuế bảo vệ môi trường, hỗ trợ xúc tiến cho thương mại các sản phẩm môi trường sẽ đặc biệt được chú trọng.

Hiện tại, thị trường carbon toàn cầu đang phát triển nhanh chóng. Vả lại, căn cứ vào nghị định như Kyoto, chúng ta biết rõ, khách hàng mục tiêu của chúng ta là ai để có thể triển khai và tiếp thị sản phẩm.

Như phân tích trên, việc phát triển sản phẩm CERs và đẩy mạnh phát triển thị trường carbon tại Việt Nam là hết sức tiềm năng.

4. Kết luận

Việt Nam cần nhanh chóng vào cuộc với việc triển khai vùng đất và giống cây thích hợp, cần thiết lập những đơn vị và đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực để có thể đo lường khí thải nhà kính đúng với tiêu chuẩn quốc tế, và đủ khả năng ban hành chứng chỉ CER và được thị trường thế giới chấp nhận. Chúng ta tích cực tham gia vào thị trường carbon thế giới để kiếm hợp đồng trồng mới hay bảo tồn rừng tăng thu nhập cho nhà đầu tư, cho chủ đất, cho người dân bản địa; để có cơ hội tốt trong sự việc bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên đa dạng sinh học khác mà chẳng những thế còn tích cực giảm thiểu hệ quả biến đổi khí hậu do lượng khí thải CO₂ từ các nhà

máy, xí nghiệp, từ các phương tiện giao thông vận tải, các điện năng sinh hoạt trong gia đình và công sở... gây ra. Và đằng sau những lợi ích về mặt kinh tế là ngăn chặn được những cơn mưa, bão, lũ lụt, hạn hán,...; và ngăn chặn được những hệ lụy phát sinh từ mực nước biển dâng cao làm ngập ở mức khoảng 15% đến 30% diện tích ở thành phố Hồ Chí Minh và khu vực miền Tây nam bộ.

Để có thể đón đầu cơ hội kinh doanh mới trong thị trường carbon của thời kỳ hội nhập, trước hết, chúng ta cần thiết nâng cao ý thức của người dân, đặc biệt là các học sinh – sinh viên trong việc bảo vệ môi trường. Việc nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường phụ thuộc rất nhiều trong nhiệm vụ giáo dục và đẩy mạnh công tác truyền thông đến mọi tầng lớp nhân dân. Song song đó, chúng ta cũng phải xây dựng chiến lược truyền thông tiếp thị tích hợp cho sản phẩm CER ra thị trường ngoài nước, mà những khách hàng tiềm năng chính là các doanh nghiệp ở các quốc gia bị bắt buộc giảm thiểu khí thải nhà kính (chủ yếu là các quốc gia công nghiệp, đã phát triển). Với những tiềm năng và thuận lợi nêu trên, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở gặt hái thành công trong việc triển khai các dự án trồng cây, bảo vệ rừng để tính lũy những CER bán cho các khách hàng doanh nghiệp hay cá nhân từ trong nước cho đến ngoài nước. Nhờ đó có thể chung tay với thế giới bảo vệ môi trường, tạo thêm thu nhập cho người dân địa phương trong vùng dự án và ngăn chặn những ảnh hưởng xấu bởi hậu quả của tình trạng phá rừng bừa bãi gây ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề biến đổi khí hậu mang lại những thiệt hại đáng kể đến nền kinh tế và an sinh quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009, *Kịch bản dự thảo biến đổi khí hậu*, Hà Nội.
2. G M Mourtoza, "No increase over 2 degrees after 2015 – Pachauri", viewed 22/12/09, <http://www.climatemediapartnership.org/reporting/stories/no-increase-over-2-degrees-after-2015-pachauri/>
3. Greenhouse Gas Reduction Scheme. (n.d.), viewed 20/12/09, <http://www.greenhousegas.nsw.gov.au/>
4. <http://www.carbonconservation.com/index.html#whatsnew>
5. http://www.fauna-flora.org/ffj_macquarie_taskforce.php
6. <http://www.vetf.vn/HinhThucHoatDong-CDM>
7. Karan Capoor & Philippe Ambrosi, 2009, *State and trends of the carbon market 2009*, World Bank.
8. Jean-Yves Martin, 2007, *Phát triển bền vững*, IRD Editions & NXB Thế giới, HN.
9. Nguyễn Chí Thành, Tài nguyên rừng VN, slides trình bày ppt..
10. Nguyễn Đình Hòa, 2007, *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục.
11. The European Union Greenhouse Gas Emission Trading System (EU ETS), (n.d.), view 23/12/2009, http://ec.europa.eu/environment/climat/emission/index_en.htm